

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH
Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 tỉnh Thái Nguyên

Năm 2026 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và có tính bản lề trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu, định hướng lớn được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Đây cũng là năm nhiều đạo luật quan trọng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, mở ra dư địa mới, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, giải phóng nguồn lực và cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh xác định mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt 11%; đồng thời yêu cầu các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo quyết liệt, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kịp thời nắm bắt, dự báo và xử lý những khó khăn, thách thức; khai thác tối đa các cơ hội từ các luật mới, xu thế chuyển dịch đầu tư, động lực tăng trưởng mới và tiềm năng nội tại của tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét, thực chất ngay trong năm đầu của giai đoạn kế hoạch.

Để hoàn thành thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường quán triệt đầy đủ tinh thần chỉ đạo; triển khai thực hiện kiên trì, nhất quán và hiệu quả Kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 của tỉnh Thái Nguyên; bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, quyết liệt và bám sát thực tiễn, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 theo từng quý, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2026 đạt 11%, phù hợp với mục tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 08/01/2026, Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 04/02/2026 của HĐND tỉnh.

Xác định rõ danh mục các chỉ tiêu kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu cần theo dõi thường xuyên để phục vụ công tác dự báo, đánh giá, chỉ đạo điều hành; bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong xử lý các biến động kinh tế – thị trường.

Làm rõ các động lực tăng trưởng chủ yếu, trên cơ sở đánh giá các yếu tố Chính quyền có thể tác động, hỗ trợ thông qua chức năng quản lý nhà nước; đồng thời chỉ ra các điểm nghẽn cần ưu tiên tháo gỡ, các lĩnh vực cần kích hoạt nguồn lực để tăng tốc phát triển.

2. Yêu cầu

Xây dựng các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi, hướng vào đúng các ngành, lĩnh vực đóng góp lớn cho tăng trưởng, đặc biệt là công nghiệp chế biến – chế tạo, dịch vụ, nông nghiệp giá trị cao, đầu tư công, thu hút đầu tư FDI và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

Xác định lộ trình thực hiện theo quý, nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm, điểm rơi tăng trưởng và cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông giữa các ngành, lĩnh vực.

Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, gắn với trách nhiệm người đứng đầu; coi kết quả thực hiện nhiệm vụ trong kịch bản tăng trưởng là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

Tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị cao trong toàn hệ thống: Chính quyền – Doanh nghiệp – Người dân; phát huy tinh thần “Chính quyền kiến tạo – Doanh nghiệp nỗ lực – Nhân dân đồng hành”, tạo không khí thi đua sôi nổi ngay từ đầu năm, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tăng trưởng năm 2026.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2026

1. Bối cảnh, tình hình năm 2026

Bối cảnh, tình hình năm 2026 dự báo tiếp tục có sự đan xen giữa các yếu tố thuận lợi, thời cơ với khó khăn, thách thức và rủi ro bất định. Kinh tế thế giới được dự báo duy trì đà tăng trưởng nhưng phục hồi còn chậm và thiếu vững chắc; các rủi ro về phân mảnh thương mại, cạnh tranh chiến lược, căng thẳng địa chính trị và biến động giá cả tiếp tục hiện hữu. Lạm phát tại nhiều nền kinh tế có xu hướng hạ nhiệt, song nguy cơ biến động thị trường tài chính và điều chỉnh chính sách vẫn cần được theo dõi chặt chẽ. Với đặc thù là địa phương có độ mở kinh tế lớn, tăng trưởng phụ thuộc đáng kể vào khu vực FDI và xuất khẩu, tỉnh Thái Nguyên sẽ tiếp tục chịu tác động mạnh từ các yếu tố bên ngoài; đồng thời đứng trước yêu cầu cấp thiết phải tăng cường các động lực nội sinh của nền kinh tế, nhất là đầu tư công, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động. Trên cơ sở đó, tỉnh nhận diện một số thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức trọng yếu cần đặc biệt lưu ý khi xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2026 như sau:

- Thuận lợi, thời cơ:

(1) Mặt bằng lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm và chính sách tiền tệ ở nhiều nền kinh tế có khả năng chuyển dần sang trạng thái hỗ trợ tăng trưởng hơn, tạo điều kiện thuận lợi tương đối cho thương mại và dòng vốn đầu tư, qua đó hỗ trợ các địa phương có độ mở lớn như Thái Nguyên.

(2) Dòng dịch chuyển chuỗi cung ứng và xu hướng tái cấu trúc mạng lưới sản xuất toàn cầu tiếp tục là động lực để Việt Nam nói chung và các địa bàn công nghiệp trọng điểm nói riêng gia tăng thu hút FDI, đặc biệt trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ cao, bán dẫn, công nghiệp xanh.

(3) Trong nước, định hướng điều hành tăng trưởng năm 2026 được đặt ở mức cao, đi kèm yêu cầu kiểm soát lạm phát; các báo cáo thị trường cũng ghi nhận mục tiêu tăng trưởng và trần lạm phát năm 2026 được xác định ở mức “tham vọng nhưng kiểm soát rủi ro”, tạo áp lực tích cực để các bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp.

(4) Đầu tư công tiếp tục được xác định là một “trụ đỡ” quan trọng cho tổng cầu, nhất là trong bối cảnh khu vực tư nhân và thị trường bất động sản còn cần thời gian phục hồi; Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD cũng nhấn mạnh vai trò của đầu tư công trong duy trì đà tăng trưởng của Việt Nam thời gian tới.

(5) Các chính sách, quy định pháp luật mới (đất đai, đầu tư, quy hoạch, nhà ở - bất động sản, đấu thầu, đầu tư công,...) sau giai đoạn đầu triển khai sẽ bộc lộ hiệu quả rõ hơn trong năm 2026, tạo cơ sở thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, giải quyết các vướng mắc kéo dài trong bồi thường – GPMB – giao đất – cho thuê đất – lựa chọn nhà thầu – cơ chế xác định giá, từ đó rút ngắn thời gian chuẩn bị và triển khai dự án.

(6) Xu hướng phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, AI và các ngành công nghệ tiếp tục được thúc đẩy mạnh; đây là cơ hội để Thái Nguyên gia tăng tỷ trọng các động lực tăng trưởng mới dựa trên năng suất, đổi mới sáng tạo và chất lượng nguồn nhân lực.

(7) Công tác cải cách hành chính ngày càng được quan tâm, thời gian thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, môi trường được rút ngắn đã tạo điều kiện cho dự án triển khai nhanh sớm đi vào hoạt động tạo ra giá trị sản xuất tăng thêm đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

- Khó khăn, thách thức:

(1) Rủi ro gia tăng rào cản thương mại, phân mảnh thương mại và bất định chính sách (đặc biệt liên quan thuế quan, phòng vệ thương mại) vẫn là yếu tố có thể tác động trực tiếp đến đơn hàng xuất khẩu và kế hoạch sản xuất của khu vực doanh nghiệp FDI – động lực tăng trưởng chủ lực của tỉnh.

(2) Tăng trưởng toàn cầu dù được dự báo duy trì nhưng thiếu vững chắc; bất kỳ cú sốc nào từ địa chính trị, giá năng lượng, chi phí logistics đều có thể làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

(3) Áp lực tỷ giá và điều kiện tài chính có thể biến động theo diễn biến chính sách của các ngân hàng trung ương lớn; điều này tác động đáng kể tới doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp có dư nợ ngoại tệ và kế hoạch nhập khẩu nguyên vật liệu của các nhà máy.

(4) Mục tiêu tăng trưởng trong nước ở mức cao kéo theo nhu cầu vốn lớn; trong khi đó, điều hành chính sách phải đồng thời bảo đảm an toàn hệ thống, kiểm soát lạm phát, nên sức ép đối với cung ứng tín dụng và chi phí vốn của doanh nghiệp vẫn hiện hữu.

(5) Nền kinh tế tỉnh còn phụ thuộc lớn vào khu vực FDI và một số ngành sản xuất chủ lực; liên kết – lan tỏa với doanh nghiệp trong nước, công nghiệp hỗ trợ và chuỗi cung ứng nội địa chưa tương xứng, làm tăng rủi ro về tính bền vững khi thị trường thế giới biến động.

(6) Các điểm nghẽn nội tại như tiến độ giải phóng mặt bằng, chuẩn bị dự án, năng lực hấp thụ vốn đầu tư công, chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động,... nếu không cải thiện mạnh trong năm 2026 sẽ hạn chế khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng cao.

(7) Hội nhập kinh tế sâu rộng, thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về sản xuất và chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản của các nước nhập khẩu ngày càng khắt khe. Một số loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc gia cầm vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bùng phát,...; kinh tế hộ gia đình vẫn chiếm tỷ trọng cao, sản xuất chứng nhận an toàn, hữu cơ còn khó khăn, hạn chế; công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp phụ trợ chậm phát triển.

2. Kịch bản tăng trưởng năm 2026 theo ngành, lĩnh vực

UBND tỉnh Thái Nguyên xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 với các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế chủ yếu như sau:

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành năm 2026 đạt 220.452 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 54,13%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 10,32%; dịch vụ 31,73%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,82%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh năm 2026 đạt 135.942 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2025, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 12.505 tỷ đồng, tăng 4%; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 83.838 tỷ đồng, tăng 12,62%; Khu vực Dịch vụ đạt 35.251 tỷ đồng, tăng 10,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 4.348 tỷ đồng, tăng 6,1%.

(2) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 26.560 tỷ đồng.

(3) Thu hút 1.485 triệu USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); 69,92 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư trong nước ngoài ngân sách.

(4) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2026 theo giá hiện hành đạt trên 135 nghìn tỷ đồng.

(5) Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản năm 2026 đạt 21.880 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2025.

(6) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng từ 14,5% trở lên.

(7) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 122.566,9 tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2025.

(8) Giá trị xuất khẩu trên địa bàn đạt từ 33.516 triệu USD trở lên, tăng từ 12% trở lên so với năm 2025; trong đó xuất khẩu địa phương đạt 825 triệu USD, tăng 9%.

(9) Tăng trưởng tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 15%.

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

III. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỪNG QUÝ

1. Kịch bản từng quý:

1.1. Quý I/2026

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) quý I/2026 đạt 28.818 tỷ đồng, tăng 9,05% so với cùng kỳ, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 2.581 tỷ đồng, tăng 4,19% so với cùng kỳ; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 17.233 tỷ đồng, tăng 10,15% so với cùng kỳ; Khu vực Dịch vụ đạt 7.913 tỷ đồng, tăng 8,88% so với cùng kỳ; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 1.090 tỷ đồng, tăng 5,20% so với cùng kỳ.

1.2. Quý II/2026

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) Quý II/2026 đạt 33.204 tỷ đồng, tăng 11,45% so với cùng kỳ, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 3.691 tỷ đồng, tăng 3,95% so với cùng kỳ; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 19.868 tỷ đồng, tăng 14,01% so với cùng kỳ; Khu vực Dịch vụ đạt 8.488 tỷ đồng, tăng 9,98% so với cùng kỳ; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 1.158 tỷ đồng, tăng 5,53% so với cùng kỳ.

Lũy kế tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2026 đạt 62.022 tỷ đồng, tăng 10,32% so với cùng kỳ, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 6.272 tỷ đồng, tăng 4,05% so với cùng kỳ; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 37.101 tỷ đồng, tăng 12,18% so với cùng kỳ; Khu vực Dịch vụ đạt 16.401 tỷ đồng, tăng 9,45% so với cùng kỳ; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 2.248 tỷ đồng, tăng 5,37% so với cùng kỳ.

1.3. Quý III/2026

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) Quý III/2026 đạt 35.118 tỷ đồng, tăng 11,98% so với cùng kỳ, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 2.489 tỷ đồng, tăng 3,73% so với cùng kỳ; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 22.603 tỷ đồng, tăng 13,61% so với cùng kỳ; Khu vực Dịch vụ đạt 9.051 tỷ đồng, tăng 11,03% so với cùng kỳ; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 975 tỷ đồng, tăng 6,76% so với cùng kỳ.

Lũy kế tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) 9 tháng năm 2026 đạt 97.140 tỷ đồng, tăng 10,92% so với cùng kỳ, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 8.761 tỷ đồng, tăng 3,96% so với cùng kỳ; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 59.704 tỷ đồng, tăng 12,72% so với cùng kỳ; Khu vực Dịch vụ đạt 25.452 tỷ đồng, tăng 10,01% so với cùng kỳ; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 3.223 tỷ đồng, tăng 5,79% so với cùng kỳ.

1.4. Quý IV/2026

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) Quý IV/2026 đạt 38.802 tỷ đồng, tăng 11,22% so với cùng kỳ, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 3.744 tỷ đồng, tăng 4,09% so với cùng kỳ; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 24.133 tỷ đồng, tăng 12,37% so với cùng kỳ; Khu vực Dịch vụ đạt 9.799 tỷ đồng, tăng 11,82% so với cùng kỳ; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 1.125 tỷ đồng, tăng 7,0% so với cùng kỳ.

2. Động lực tăng trưởng

2.1. Khu vực công nghiệp – xây dựng

Khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục được xác định là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên năm 2026, với trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo. Năm 2026, tỉnh phấn đấu chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng khoảng 14,5% so với năm 2025, bảo đảm duy trì vai trò dẫn dắt tăng trưởng GRDP.

Tốc độ tăng trưởng IIP được phân bổ tương đối đồng đều theo từng quý, trong đó: Quý I tăng khoảng 12,5%; Quý II tăng khoảng 14,5%; Quý III tăng khoảng 15,9%; Quý IV tăng khoảng 15,4% so với cùng kỳ. Việc phân kỳ tăng trưởng theo quý nhằm bảo đảm tính ổn định, liên tục của sản xuất công nghiệp, hạn chế tình trạng tăng trưởng dồn vào cuối năm, đồng thời kỳ vọng bổ sung năng lực mới từ một số dự án công nghiệp mở rộng sản xuất và đầu tư mới, dự kiến đi vào sản xuất từ cuối quý II và đầu quý III/2026.

Động lực tăng trưởng của khu vực công nghiệp – xây dựng năm 2026 chủ yếu đến từ: (i) việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp hiện hữu, nhất là khu vực doanh nghiệp FDI; (ii) mở rộng công suất, đầu tư chiều sâu của một số dự án lớn; (iii) bổ sung năng lực sản xuất mới từ các dự án công nghiệp đi vào hoạt động hoặc mở rộng sản xuất trong năm.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 13 khu công nghiệp đã được thành lập: 06 khu công nghiệp đang hoạt động và 07 khu công nghiệp đang triển khai thực hiện, tạo dư địa quan trọng để thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển công nghiệp trong năm 2026. Cùng với đó, tỉnh đang thu hút sự quan tâm của một số nhà đầu tư lớn đối với các dự án hạ tầng khu công nghiệp, dự án công nghệ cao, công nghiệp điện tử và công nghiệp bán dẫn; các dự án mở rộng sản xuất của doanh nghiệp FDI hiện hữu như: Các dự án hạ tầng Khu công nghiệp; tập đoàn Samsung đang nghiên cứu, đàm phán thực hiện dự án bán dẫn; Công ty TNHH RQ Technology Electronics Việt Nam nghiên cứu mở rộng dự án,... Đây là cơ sở quan trọng để kỳ vọng tăng trưởng công nghiệp năm 2026 có chuyển biến tích cực, rõ nét hơn so với năm 2025, tạo nền tảng cho tăng trưởng giai đoạn 2026–2030.

2.2 Khu vực nông nghiệp

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2026 được định hướng phát triển theo hướng ổn định, bền vững, gắn với nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản dự kiến đạt 21.880 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2025.

Trong đó, giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt bình quân (giá hiện hành) dự kiến đạt 126 triệu đồng/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt dự kiến đạt 590.800 tấn, bao gồm sản lượng lúa đạt 463.100 tấn, sản lượng ngô đạt 127.700 tấn. Sản lượng chè búp tươi dự kiến đạt 277.760 tấn; sản lượng rau các loại đạt 321.000 tấn. Sản lượng thịt hơi các loại dự kiến đạt 263.000 tấn.

Lĩnh vực lâm nghiệp tiếp tục được chú trọng phát triển theo hướng bền vững, với diện tích trồng rừng tập trung dự kiến đạt 7.500 ha, sản lượng khai thác gỗ đạt khoảng 745.000 m³, trồng 1.500.000 cây phân tán, duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định từ 60% trở lên. Lĩnh vực thủy sản khai thác hiệu quả khoảng 7.470 ha mặt nước, sản lượng đạt 23.100 tấn.

Kịch bản tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được xây dựng theo từng quý, bảo đảm phù hợp với mùa vụ sản xuất và điều kiện thực tế:

a) Quý I/2026: Phân đầu sản lượng lương thực có hạt (ngô vụ Đông 2025) dự kiến đạt 17.820 tấn; sản lượng rau các loại (vụ Đông 2025) dự kiến đạt 127.533 tấn; sản lượng chè búp tươi dự kiến đạt 34.720 tấn; sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại dự kiến đạt 68.000 tấn; sản lượng thủy sản các loại dự kiến đạt 5.100 tấn; sản lượng khai thác gỗ trong quý I dự kiến đạt 107.000 m³ gỗ; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản quý I dự kiến đạt 5.450 tỷ đồng.

b) Quý II/2026: Phân đầu chỉ tiêu sản xuất chủ yếu, gồm: Sản lượng lương thực có hạt dự kiến đạt trên 264.950 tấn; sản lượng rau các loại dự kiến đạt 106.367 tấn; sản lượng chè búp tươi dự kiến đạt 104.160 tấn; sản lượng thịt hơi các loại dự kiến đạt 65 nghìn tấn; sản lượng thủy sản các loại dự kiến đạt 5.100 tấn; sản lượng khai thác gỗ dự kiến đạt 285.000 m³, lũy kế hết quý II dự kiến đạt 392.000 m³; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản quý II dự kiến đạt 5.700 tỷ đồng, 6 tháng năm 2026 dự kiến đạt 11.150 tỷ đồng.

c) Quý III/2026: Phân đầu đạt các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu, gồm: Sản lượng rau các loại dự kiến đạt 87.100 tấn; sản lượng chè búp tươi dự kiến đạt 86.800 tấn; sản lượng thịt hơi các loại dự kiến đạt 65 nghìn tấn; sản lượng thủy sản các loại dự kiến đạt 6.100 tấn; sản lượng khai thác gỗ dự kiến đạt 208 nghìn m³, lũy kế hết quý III dự kiến đạt 600.000 m³ gỗ; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản quý III dự kiến đạt 4.400 tỷ đồng, 9 tháng năm 2026 dự kiến đạt 15.550 tỷ đồng.

d) Quý IV/2026: Phân đầu đạt các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu, gồm: Sản lượng lương thực có hạt dự kiến đạt 308.030 tấn, sản lượng chè búp tươi đạt

52.080 tấn; sản lượng thịt hơi các loại dự kiến đạt 65 nghìn tấn; sản lượng thủy sản các loại dự kiến đạt 6.800 tấn; sản lượng khai thác gỗ đến hết quý IV dự kiến đạt 145.000 m³, lũy kế hết năm 2026 dự kiến đạt 745.000 m³ gỗ; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản dự kiến đạt 6.330 tỷ đồng, cả năm 2026 dự kiến đạt 21.880 tỷ đồng.

2.3. Khu vực thương mại – dịch vụ

a) Thương mại - Dịch vụ

Khu vực thương mại – dịch vụ năm 2026 tiếp tục được xác định là động lực tăng trưởng quan trọng, gắn với vai trò trung tâm vùng của tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh tiếp tục định hướng hình thành và đưa vào khai thác hiệu quả khu phố thương mại, dịch vụ tại trục đường Minh Cầu; Hoàng Ngân; Bắc Sơn và Phan Bội Châu, Cách mạng Tháng 8, tuyến phố đi bộ, quảng trường Vạn Xuân, phố đêm,...

Thực hiện tốt công tác khuyến công, xúc tiến thương mại; phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa; triển khai ứng dụng hiệu quả mô hình quản lý các sàn giao dịch thương mại điện tử, các website bán hàng điện tử, các hoạt động giao dịch thương mại thông qua các trang sàn thương mại điện tử (Shopee, Tiktok,...).

Đẩy nhanh tiến độ triển khai và đưa vào khai thác các dự án lớn trong lĩnh vực dịch vụ như: Dự án Flamingo Hồ Núi Cốc, Dự án Cảng cạn Tiên Phong, Khu tổ hợp văn hoá thể dục thể thao sân golf Quân Chu, Tân Thái, Ghềnh chè,... nhằm thu hút khách du lịch đến và ở lại Thái Nguyên góp phần quan trọng trong tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ.

Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2026 dự kiến đạt 122.566,9 tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2025. Trong đó: Quý I ước đạt 30.851 tỷ đồng; Quý II ước đạt 30.588,4 tỷ đồng; Quý III ước đạt 29.652,5 tỷ đồng; Quý IV ước đạt 31.475 tỷ đồng.

Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế để quảng bá sản phẩm, đặc biệt sản phẩm văn hóa - du lịch. Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch cao cấp (khu nghỉ dưỡng, khu phức hợp, sân golf) dựa trên thế mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, tâm linh. Đẩy mạnh xuất khẩu, tận dụng tối đa cơ hội từ các FTA, mở rộng đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu.

Tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn tỉnh năm 2026 dự kiến đạt 33.516 triệu USD, tăng 12% so với năm 2025. Trong đó: Quý I ước đạt 8.802,87 triệu USD, tăng 10,35% so với cùng kỳ; Quý II ước đạt 8.426,81 triệu USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ; Quý III ước đạt 9.163,38 triệu USD, tăng 12,66% so với cùng kỳ; Quý IV ước đạt 7.122,94 triệu USD, tăng 12,78% so với cùng kỳ.

Giá trị xuất khẩu địa phương ước địa phương ước đạt 825 triệu USD. Trong đó: Quý I ước đạt 189,24 triệu USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ; Quý II ước đạt 201,16 triệu USD, tăng 6% so với cùng kỳ; Quý III ước đạt 232,82 triệu USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ; Quý IV ước đạt 201,78 triệu USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ.

b) Ngành du lịch

Du lịch được xác định là ngành dịch vụ có tiềm năng tăng trưởng cao, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GRDP khu vực dịch vụ năm 2026. Tổng lượt khách du lịch dự kiến đạt 8.000.000 lượt, tăng 9,6% so với năm 2025; trong đó khách quốc tế đạt 300.000 lượt, khách nội địa đạt 7.700.000 lượt. Tổng thu từ du lịch ước đạt 11.000 tỷ đồng, tăng 47,7% so với năm 2025.

Chỉ tiêu du lịch được phân kỳ theo từng quý, gắn với tiến độ triển khai các dự án du lịch, tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch và khai thác hiệu quả các sản phẩm du lịch chủ lực, nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu cả năm.

- Quý I/2026: Tổng lượt khách (ước đạt): 2.002.400 lượt (tăng 13,14% so với Quý I/2025: 1.769.804 lượt). Trong đó: Khách quốc tế (ước đạt): 51.642 lượt (tăng 5,43% so với Quý I/2025: 48.982 lượt); Khách nội địa (ước đạt): 1.950.758 lượt (tăng 8,57% so với Quý I/2025: 1.769.804 lượt). Tổng thu (ước đạt): 2.794 tỷ đồng (tăng 54,8% so với Quý I/2025: 1.805 tỷ đồng).

- Quý II/2026: Tổng lượt khách (ước đạt): 2.851.616 lượt (tăng 3,83% so với Quý II/2025: 2.746.320 lượt). Trong đó: Khách quốc tế (ước đạt): 86.430 lượt (tăng 0,69% so với Quý II/2025: 82.493 lượt); Khách nội địa (ước đạt): 2.765.186 lượt (tăng 4,77% so với Quý II/2025: 2.746.320 lượt). Tổng thu (ước đạt): 4.084 tỷ đồng (tăng 45,8% so với Quý II/2025: 2.801 tỷ đồng).

- Quý III/2026: Tổng lượt khách (ước đạt): 2.035.155 lượt (tăng 10,3% so với Quý III/2025: 1.845.000 lượt). Trong đó: Khách quốc tế (ước đạt): 114.500 lượt (tăng 4,1% so với Quý III/2025: 110.000 lượt); Khách nội địa (ước đạt): 1.920.655 lượt (tăng 10,7% so với Quý III/2025: 1.735.000 lượt). Tổng thu (ước đạt): 2.928 tỷ đồng (tăng 55,6% so với Quý III/2025: 1.882 tỷ đồng).

- Quý IV/2026: Tổng lượt khách (ước đạt): 1.110.829 lượt (tăng 18,24% so với Quý IV/2025: 939.436 lượt). Trong đó: Khách quốc tế (ước đạt): 47.428 lượt (tăng 7% so với Quý IV/2025: 44.325 lượt); Khách nội địa (ước đạt): 1.063.401 lượt (tăng 18,8% so với Quý IV/2025: 895.111 lượt). Tổng thu (ước đạt): 1.194 tỷ đồng (tăng 24,7% so với Quý IV/2025: 958 tỷ đồng).

3. Nguồn lực đầu tư

Để bảo đảm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt từ 11% trở lên, việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là điều kiện tiên quyết để chuyển hóa các mục tiêu tăng trưởng thành kết quả thực chất. Trên cơ sở dự báo bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, năng lực hấp thụ vốn của nền kinh tế và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, tổng nguồn lực đầu tư toàn xã hội năm 2026 của tỉnh Thái Nguyên được xác định khoảng 135 nghìn tỷ đồng.

Trong tổng nguồn lực đầu tư nêu trên, vốn nhà nước trên địa bàn khoảng 11 nghìn tỷ đồng, tập trung cho đầu tư công, các dự án hạ tầng trọng điểm, hạ tầng kết nối liên vùng, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các lĩnh vực tạo sức lan tỏa, dẫn dắt đầu tư xã hội. Vốn đầu tư ngoài nhà nước khoảng 80,8 nghìn tỷ đồng, tiếp tục là nguồn lực chủ yếu trong phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại – dịch vụ, đô thị, nhà ở và các dự án xã hội hóa. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 43,2 nghìn tỷ đồng, giữ vai trò quan trọng trong mở rộng năng lực sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao.

Thu hút đầu tư trong nước:

Đối với các dự án đầu tư trong nước tại các khu công nghiệp, năm 2026 phân đầu cấp mới 10 dự án và điều chỉnh tăng vốn cho 10 dự án, với tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn dự kiến khoảng 5.800 tỷ đồng (trong đó vốn cấp mới khoảng 5.600 tỷ đồng, vốn điều chỉnh tăng khoảng 200 tỷ đồng). Các dự án tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ và các ngành có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh.

Đối với các dự án trong cụm công nghiệp, dự kiến phân đầu cấp mới 8 dự án và điều chỉnh tăng vốn cho 10 dự án, với vốn đăng ký cấp mới khoảng 1.000 tỷ đồng, vốn điều chỉnh tăng khoảng 120 tỷ đồng.

Đối với các dự án ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tỉnh dự kiến cấp mới khoảng 135 dự án và điều chỉnh tăng vốn cho 40 dự án, với tổng vốn đăng ký mới khoảng 60 nghìn tỷ đồng và vốn điều chỉnh tăng khoảng 3 nghìn tỷ đồng. Các dự án chủ yếu thuộc lĩnh vực thương mại – dịch vụ, đô thị, nhà ở, hạ tầng logistics, du lịch và các ngành kinh tế có khả năng tạo động lực lan tỏa, đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng GRDP và thu ngân sách.

Đối với khu vực dân cư dự kiến thực hiện đầu tư khoảng 10.880 tỷ đồng.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục là một trong những trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế năm 2026. Trên cơ sở dự địa từ các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động và các khu công nghiệp đang triển khai, tỉnh phân đầu cấp mới khoảng 20 dự án FDI và điều chỉnh tăng vốn cho khoảng

40 dự án, với tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn dự kiến đạt khoảng 1.460 triệu USD (trong đó vốn cấp mới khoảng 1.260 triệu USD, vốn điều chỉnh tăng khoảng 200 triệu USD).

Thu hút FDI ngoài khu công nghiệp dự kiến cấp mới và điều chỉnh tăng vốn 6 dự án với tổng số vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng khoảng 25 triệu USD.

Việc thu hút FDI năm 2026 tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, điện tử, bán dẫn, công nghiệp xanh và các dự án có tính lan tỏa, gắn kết với doanh nghiệp trong nước, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của khu vực FDI trong cơ cấu tăng trưởng của tỉnh.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Ngành công thương

a) Quý I/2026

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

- Trong quý I năm 2026, tập trung hoàn thiện các điều kiện nền tảng nhằm tạo dư địa tăng trưởng cho cả năm; đẩy nhanh tiến độ trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập các cụm công nghiệp theo quy hoạch, trong đó dự kiến thành lập Cụm công nghiệp Minh Tiến trong quý I.

- Sở Công Thương, Sở Tài chính phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức khởi công đảm bảo tiến độ một số dự án hạ tầng cụm công nghiệp trọng điểm như: Cụm công nghiệp Khuynh Thạch, Phú Lạc 2, Hà Châu 1, Hà Châu 2 với tổng mức đầu tư khoảng 1.518,9 tỷ đồng; phân đấu giải ngân vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong quý đạt khoảng 1.000 tỷ đồng; đôn đốc, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền đôn đốc UBND các xã, phường đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; yêu cầu các chủ đầu tư hạ tầng tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sẵn sàng quỹ đất để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Đối với hạ tầng điện, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2026–2030; nghiên cứu, đề xuất bổ sung các trạm biến áp và dự án nguồn điện mới nhằm bảo đảm cung ứng điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt; trong đó nghiên cứu bổ sung thêm 02 TBA 220kV với tổng công suất 1.000 MVA; 22 TBA 110kV với tổng công suất khoảng 3.608 MVA; bổ sung vào quy hoạch các dự án nhà máy điện gió trên bờ, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác,...

- Trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, tập trung triển khai các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh thông qua các nền tảng thương mại điện tử như Shopee, TikTok...; tổ chức các hội chợ nhằm thúc đẩy giao thương, kích cầu tiêu dùng và quảng bá hình ảnh địa phương.

b) Quý II/2026

- Về phát triển Cụm công nghiệp: Đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền thành lập các Cụm công nghiệp còn lại theo Quy hoạch tỉnh; trong đó phân đấu thành lập thêm 02 CCN trong Quý II/2026. Đôn đốc UBND các xã, phường đẩy mạnh công tác bồi thường, GPMB các Đôn đốc, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền đôn đốc UBND các xã, phường đẩy mạnh công tác bồi thường, GPMB các Cụm công nghiệp hiện hữu; đôn đốc các Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tạo quỹ đất thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

Phối hợp với Sở Tài chính và chủ đầu tư hạ tầng tăng cường xúc tiến, giới thiệu, hỗ trợ nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào CCN; phân đấu nâng cao tỷ lệ lấp đầy CCN. Phân đấu giải ngân các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN đạt khoảng 1.000 tỷ đồng.

- Về phát triển hạ tầng điện: Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thỏa thuận hướng tuyến đường dây và vị trí các TBA đối với các dự án hạ tầng lưới điện sau khi có nhà đầu tư đề xuất; phân đấu trong Quý II/2026 khởi công dự án Nâng khả năng tải Hà Giang – Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang – Thái Nguyên và Thái Nguyên – Lưu Xá – Phú Bình, Đường dây và TBA 110kV Gia Sàng; Đường dây và TBA 110kV Thanh Bình; Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên, Núi Pháo; Hoàn thiện sơ đồ lưới điện 110kV khu vực Thái Nguyên.

- Về phát triển thương mại dịch vụ: Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt với các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh. Tổ chức Hội chợ triển lãm trọng điểm của tỉnh – OCOP Thái Nguyên năm 2026; Chương trình Mega livestream bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử nhằm đẩy mạnh quảng bá và kết nối tiêu thụ các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Thái Nguyên trên các nền tảng thương mại điện tử; Chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, thúc đẩy và kích cầu tiêu dùng nội địa, tạo hiệu ứng chuỗi sự kiện kích cầu thương mại góp phần thúc đẩy phát triển các lĩnh vực sản xuất, thương mại, tiêu dùng trên địa bàn tỉnh,....

c) Quý III/2026

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thành lập các cụm công nghiệp còn lại theo quy hoạch, phấn đấu thành lập thêm ít nhất 01 cụm công nghiệp trong quý; Sở Công Thương, Sở Tài chính phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức khởi công đảm bảo tiến độ một số cụm công nghiệp (CCN) mới như: CCN Cầu Bình, CCN Quân Chu, CCN Cát Nê - Ký Phú, CCN Minh Đức 1, CCN Lương Sơn, CCN Lương Sơn 2,...

- Về phát triển hạ tầng điện: Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thỏa thuận hướng tuyến đường dây và vị trí các TBA đối với các dự án hạ tầng lưới điện sau khi có nhà đầu tư đề xuất. Phấn đấu trong Quý III/2026, khởi công các dự án hạ tầng điện: Đường dây và TBA 110kV Phố Cò, Đường dây và TBA 110kV Phú Bình 2, Đường dây và TBA 110kV Yên Bình 7.

- Về phát triển thương mại dịch vụ: Tổ chức Chương trình xúc tiến, kết nối tiêu thụ sản phẩm na La Hiên, sản phẩm miền đông và nông sản tỉnh Thái Nguyên 2026, Chương trình Tuần hàng Việt tại tỉnh Thái Nguyên nhằm đáp ứng nhu cầu quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh, tăng cường tuyên truyền, tôn vinh, nâng cao thương hiệu, chất lượng sản phẩm đến người tiêu dùng về hàng Việt Nam.

d) Quý IV/2026

- Trong quý IV năm 2026, tập trung hoàn tất các nhiệm vụ trọng tâm của năm, phấn đấu thành lập thêm từ 01–02 cụm công nghiệp theo quy hoạch; Sở Công Thương, Sở Tài chính phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo việc tổ chức khởi công các cụm công nghiệp (CCN): CCN Cẩm Giàng, CCN Huyện Tụng 2, CCN Quảng Chu 1. Phấn đấu giải ngân các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đạt trên 1.500 tỷ đồng.

- Về phát triển hạ tầng điện: Hỗ trợ chủ đầu tư triển khai nhanh chóng, hiệu quả các dự án hạ tầng lưới điện đã được chấp thuận chủ trương đầu tư năm 2025 và quý II/2026, phấn đấu hoàn thành, đưa vào vận hành 06 dự án trong năm 2026, bao gồm: Đường dây và TBA 110kV Gia Sàng; Đường dây và TBA 110kV Thanh Bình; Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên, Núi Pháo; Hoàn thiện sơ đồ lưới điện 110kV khu vực Thái Nguyên; TBA 220kV Sông Công và đường dây đấu nối; Nâng khả năng tải đường dây 220kV Hiệp Hoà, Phú Bình.

Phân đầu trong Quý IV/2026, khởi công dự án Đường dây 500kV Hiệp Hoà – Thái Nguyên.

- Về phát triển thương mại dịch vụ: Triển khai các chương trình bình ổn thị trường, cung ứng hàng hoá phục vụ Nhân dân trên địa bàn tỉnh dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán năm 2027; Tổ chức Festival Nông sản, OCOP, làng nghề gắn kết du lịch - Thái Nguyên năm 2026 quảng bá tôn vinh sản phẩm nông sản, OCOP, làng nghề truyền thống, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh gắn kết với các hoạt động du lịch; Chương trình Xúc tiến sắc màu nông sản thời kỳ 4.0 – Thái Nguyên 2026; Chương trình trải nghiệm xứ Trà, nâng tầm thương hiệu; kết nối sản phẩm gà đồi Phú Bình và sản phẩm nông sản tỉnh Thái Nguyên...

2. Ngành nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

(1) Trồng trọt:

Trong Quý I/2026, tập trung chỉ đạo thu hoạch dứt điểm các cây trồng vụ Đông năm 2025, đồng thời gieo trồng tối đa diện tích các cây trồng vụ Xuân, bảo đảm đúng khung thời vụ. Diện tích lúa Xuân phân đầu đạt trên 37.450 ha, sử dụng các giống có năng suất, chất lượng cao; tiếp tục mở rộng diện tích lúa chất lượng cao, lúa đặc sản, lúa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, phân đầu đạt trên 50% tổng diện tích gieo cấy, gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thu hoạch ngô vụ Đông phân đầu đạt 17.820 tấn, gieo trồng ngô Xuân đạt 14.316 ha, ưu tiên các giống ngô nếp, ngô ngọt có giá trị kinh tế cao. Thu hoạch rau vụ Đông đạt 127.533 tấn, gieo trồng rau vụ Xuân đạt 6.240 ha, sản lượng trên 106.367 tấn, tập trung phát triển sản xuất rau hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao. Đối với cây chè, tập trung chăm sóc diện tích chè kinh doanh, nâng cao chất lượng các vùng chè tập trung theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, ứng dụng tưới tiên tiến; sản lượng chè búp tươi quý I phân đầu đạt 34.720 tấn.

Trong Quý II/2026, tập trung chỉ đạo chăm sóc, thu hoạch kịp thời các cây trồng vụ Xuân; đồng thời gieo trồng tối đa diện tích các cây trồng vụ Mùa năm 2026, bảo đảm đúng khung thời vụ. Thu hoạch lúa vụ Xuân phân đầu đạt 200.130 tấn, gieo trồng lúa vụ Mùa đạt 50.790 ha; tiếp tục sử dụng giống năng suất, chất lượng cao, mở rộng diện tích lúa chất lượng cao, lúa đặc sản, lúa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, phân đầu đạt trên 50% tổng diện tích gieo cấy, gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng hiệu quả và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tập trung chăm sóc, thu hoạch ngô vụ Xuân, gieo trồng ngô vụ Mùa đạt 10.138 ha, ưu tiên các giống ngô nếp, ngô ngọt có giá trị kinh tế cao. Thu hoạch rau vụ Xuân đạt 106.367 tấn, gieo trồng rau vụ Mùa đạt 5.184 ha; tiếp tục phát triển sản xuất rau hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, mở rộng sản xuất rau trái

vụ trong nhà màng, nhà lưới tại các vùng ven đô thị. Đối với cây chè, tập trung chăm sóc diện tích chè kinh doanh, nâng cao chất lượng các vùng chè tập trung áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, tưới tiên tiến; sản lượng chè búp tươi quý II phần đầu đạt 104.160 tấn; đồng thời chuẩn bị đầy đủ điều kiện về giống, đất cho trồng mới, trồng lại chè tập trung vào vụ thu.

Trong Quý III/2026, chỉ đạo, hướng dẫn tập trung chăm sóc, thu hoạch kịp thời các cây trồng vụ Mùa; đẩy nhanh giải phóng đất, làm đất phục vụ gieo trồng cây vụ Đông năm 2026. Tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa vụ Mùa, nhất là trà lúa Mùa sớm để chuẩn bị gieo trồng cây vụ Đông (ngô, rau, hoa); chăm sóc, thu hoạch ngô vụ Mùa, chuẩn bị gieo trồng ngô vụ Đông, sử dụng tối đa diện tích, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng giống ngô ngắn ngày, giống chất lượng cao, phát triển ngô sinh khối phục vụ chăn nuôi. Tập trung chăm sóc, thu hoạch rau, hoa vụ Mùa, phần đầu đạt năng suất, sản lượng cao nhất; phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, mở rộng sản xuất trong nhà màng, nhà lưới; tiếp tục phát triển các vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ. Tiếp tục chăm sóc tốt diện tích chè kinh doanh; chăm sóc diện tích chè trồng mới năm 2025; chỉ đạo các cơ sở giống chăm sóc, đào bầu, kiểm định chất lượng cây giống; chuẩn bị đầy đủ điều kiện trồng mới, trồng lại chè vụ thu (tháng 9–10), phần đầu năm 2026 trồng mới, trồng lại trên 430 ha chè bằng giống mới có năng suất, chất lượng cao, sản lượng chè búp tươi quý III đạt khoảng 86.800 tấn.

Trong Quý IV/2026, chỉ đạo, hướng dẫn tập trung thu hoạch dứt điểm các cây trồng vụ Mùa, kịp thời giải phóng đất và gieo trồng tối đa diện tích cây vụ Đông năm 2026 trong khung thời vụ tốt nhất. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng giống ngô ngắn ngày, giống chất lượng cao (ngô rau, ngô bao tử, ngô nếp), phát triển ngô sinh khối phục vụ chăn nuôi, phần đầu diện tích ngô vụ Đông đạt 3.774 ha, sản lượng khoảng 17.525 tấn. Mở rộng diện tích rau, hoa vụ Đông, ưu tiên các giống rau ngắn ngày, rau ưa lạnh, chất lượng cao phục vụ thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán; phần đầu diện tích gieo trồng trên 7.058 ha, sản lượng đạt khoảng 125.130 tấn; phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất rau trái vụ và hoa giá trị cao trong nhà màng, nhà lưới tại vùng ven đô thị. Tiếp tục chăm sóc tốt diện tích chè kinh doanh, nâng cao chất lượng các vùng chè áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; tận dụng các diện tích có hệ thống tưới tiên tiến để sản xuất chè vụ Đông; hoàn thành trồng mới, trồng lại trên 430 ha chè năm 2026 bằng giống mới năng suất, chất lượng cao; phần đầu sản lượng chè búp tươi quý IV đạt 52.080 tấn, lũy kế cả năm đạt 277.760 tấn. Hoàn thành trồng mới cây ăn quả chủ lực vụ thu; tập trung chăm sóc, thu hoạch các loại cây ăn quả như hồng không hạt, bưởi, cam, quýt..., phần đầu đạt sản lượng cao nhất trong năm.

(2) Chăn nuôi:

Tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, không để dịch bệnh nguy hiểm tái bùng phát;

tăng cường phòng, chống đói, rét cho vật nuôi trong thời điểm giao mùa. Thực hiện nghiêm công tác kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển, vệ sinh thú y; triển khai tiêm phòng gia súc, gia cầm theo kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong chăn nuôi; khuyến khích các cơ sở đủ điều kiện tái đàn, mở rộng quy mô sản xuất gắn với bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

(3) Lâm nghiệp:

Triển khai thực hiện trồng rừng và khai thác lâm sản đảm bảo tiến độ theo kế hoạch; rà soát diện tích đủ điều kiện trồng rừng thay thế năm 2026. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn trồng rừng gỗ lớn, thâm canh rừng, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn; bảo đảm cung ứng đủ cây giống đạt tiêu chuẩn chất lượng. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

(4) Thủy sản:

Chỉ đạo các cơ sở sản xuất giống thủy sản tiếp tục nuôi vỗ cá bố mẹ, bảo đảm nguồn giống cho vụ nuôi năm 2026. Hướng dẫn các cơ sở, hộ nuôi thủy sản thương phẩm chăm sóc, phòng chống dịch bệnh; tổ chức thu hoạch thủy sản đạt kích cỡ thương phẩm; đồng thời chuẩn bị đầy đủ điều kiện cải tạo ao, hồ, công trình nuôi để thả giống đúng thời vụ. Tăng cường tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh phối hợp giữa quản lý thủy lợi và nuôi trồng thủy sản.

(5) Thủy lợi, phòng chống thiên tai: Tăng cường quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai. Chủ động điều tiết nước tại các hồ chứa, bảo đảm cấp nước phục vụ gieo cấy và tưới dưỡng; tăng cường kiểm tra, rà soát các công trình đê điều, hồ đập, kịp thời phát hiện nguy cơ sự cố để xử lý. Duy trì nghiêm chế độ trực ban phòng, chống thiên tai; theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, sẵn sàng ứng phó và xử lý kịp thời các tình huống thiên tai có thể xảy ra.

3. Ngành tài chính

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành phát triển kinh tế – xã hội, theo dõi, đánh giá sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu kinh tế chủ yếu, kịp thời tham mưu đề xuất điều chỉnh các giải pháp điều hành để phù hợp với tình hình và các yêu cầu thực tế.

Tập trung tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 bảo đảm chất lượng, đồng bộ, khả thi; bám sát mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; điều hành ngân sách theo hướng chủ động, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm các cân đối lớn của ngân sách địa phương. Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội được phê duyệt, phối hợp với các cơ quan thu ngân sách xây dựng các kịch bản thu ngân sách nhà nước, đánh giá đầy đủ các yếu tố tác động đến nguồn thu, kịp thời đề xuất các giải pháp điều hành phù hợp nhằm phân bổ hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách được giao.

Tham mưu cấp có thẩm quyền điều hành chi ngân sách theo đúng dự toán, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, các nhiệm vụ an sinh xã hội, quốc phòng – an ninh và các nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm của tỉnh; kiểm soát chặt chẽ chi thường xuyên, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, vốn chương trình mục tiêu; kịp thời tham mưu điều chuyển vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá, phí, lệ phí; theo dõi sát diễn biến thị trường, kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai các biện pháp bình ổn giá theo quy định. Thẩm định giá đất, giá thuê đất, giá đất tái định cư các dự án trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch, sát thực tế, góp phần khai thác hiệu quả nguồn thu từ đất đai.

Chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư, nhất là các dự án khu dân cư, khu đô thị, các dự án sử dụng nhiều đất đai, nguồn lực ngân sách; góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, mở rộng cơ sở thu ngân sách bền vững. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư theo quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính – ngân sách; tổ chức thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo phân công; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, dự án đầu tư trong nước; rà soát, xử lý các dự án chậm triển khai, không triển khai theo cam kết, bảo đảm kỷ cương, hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính của tỉnh.

4. Ngành thuế

Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện các giải pháp quản lý thu, khai thác hiệu quả các nguồn thu, bảo đảm hoàn thành và phấn đấu vượt dự toán thu ngân sách nhà nước được HĐND tỉnh giao. Trên cơ sở dự toán thu được giao, xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng sắc thuế, từng địa bàn, từng doanh nghiệp trọng điểm, bám sát tiến độ thu theo tháng, quý, kịp thời phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến nguồn thu để tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo điều hành phù hợp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chính sách thuế mới, các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí theo quy định của Trung ương nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, kết hợp hiệu quả giữa ứng dụng công nghệ thông tin, các kênh truyền thông hiện đại với tổ chức đối thoại trực tiếp, tháo gỡ kịp thời vướng mắc trong quá trình kê khai, nộp thuế, tạo sự đồng thuận và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu ngân sách, tập trung vào các lĩnh vực, ngành nghề tiềm ẩn rủi ro cao về thuế; đẩy mạnh kiểm tra thuế theo phương pháp quản lý rủi ro, chú trọng các lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh qua nền tảng số, chuyển nhượng bất động sản, khai thác khoáng sản, xây dựng cơ bản, kinh doanh dịch vụ. Qua đó kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi gian lận, trốn thuế, góp phần khai thác bền vững nguồn thu ngân sách nhà nước.

Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định của pháp luật; tập trung xử lý các khoản nợ lớn, nợ kéo dài, các khoản nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hạn chế phát sinh nợ mới, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống mức thấp nhất. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, đẩy nhanh tiến độ ban hành thông báo thu và tổ chức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo đúng quy định, góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương.

Chủ động làm việc với các doanh nghiệp, tập đoàn, dự án trọng điểm có số thu lớn trên địa bàn để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, thống nhất kế hoạch nộp ngân sách nhà nước theo tiến độ phù hợp; kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động ổn định, phát triển bền vững, qua đó nuôi dưỡng và mở rộng nguồn thu lâu dài.

Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thuế; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế, phục vụ tốt hơn người nộp thuế. Thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát động các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2026.

5. Ngành du lịch

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

(1) Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch mới

Tập trung phát triển hệ thống sản phẩm du lịch theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, mỗi sản phẩm được thiết kế theo chuỗi khép kín *tham quan – trải nghiệm – lưu trú – ẩm thực – mua sắm – giải trí*, nhằm kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng mức chi tiêu của du khách. Ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm du lịch mũi nhọn có khả năng tạo giá trị gia tăng cao và đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng khu vực dịch vụ, bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, du lịch cộng đồng gắn với văn hóa Trà, du lịch về nguồn – giáo dục truyền thống, du lịch thể thao mạo hiểm và phát triển kinh tế đêm.

Trong đó, tập trung xây dựng và chuẩn hóa các mô hình du lịch nghỉ dưỡng cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với văn hóa Trà Thái Nguyên, du lịch văn hóa – lịch sử theo hướng chuyên nghiệp, có sự tham gia sâu của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu, điểm du lịch trọng điểm như Khu du lịch hồ Núi Cốc, hồ Ba Bể nhằm hình thành các sản phẩm du lịch cao cấp, hệ sinh thái dịch vụ đồng bộ, từng bước nâng tầm thương hiệu du lịch của tỉnh.

Phát triển các hoạt động vui chơi, giải trí về đêm tại các khu vực trung tâm, khu đô thị, các phường Phan Đình Phùng, Vạn Xuân, Sông Công, Bắc Kạn,... và các khu, điểm du lịch có điều kiện; khuyến khích các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ đầu tư nâng cấp hạ tầng, đa dạng hóa sản phẩm, từng bước hình thành các không gian kinh tế ban đêm, góp phần kích cầu tiêu dùng và phát triển dịch vụ. Đồng thời, chú trọng xây dựng các sản phẩm du lịch “bốn mùa”, khai thác lợi thế về thiên nhiên, văn hóa, lễ hội để thu hút đa dạng phân khúc khách du lịch trong nước và quốc tế.

Song song với đó, xây dựng và phát triển các tour du lịch khép kín, các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với Trà Thái Nguyên, làng nghề, bản sắc văn hóa địa phương; nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng đặc sắc, góp phần lan tỏa lợi ích kinh tế đến khu vực nông thôn, miền núi.

(2) Xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch

Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tỉnh Thái Nguyên theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường tham gia các hội chợ, diễn đàn, tọa đàm du lịch trong nước và quốc tế nhằm mở rộng thị trường, thu hút khách và nhà đầu tư du lịch.

Tổ chức các đoàn famtrip, presstrip khảo sát các điểm đến mới, sản phẩm du lịch mới để kết nối doanh nghiệp lữ hành trong và ngoài tỉnh; qua đó hình thành

các tour, tuyến du lịch ổn định, bền vững. Đồng thời, tổ chức các chương trình khảo sát, trải nghiệm dành cho phóng viên, nhà báo, KOLs, blogger du lịch nhằm lan tỏa hình ảnh, thương hiệu du lịch Thái Nguyên trên các kênh truyền thông chính thống và nền tảng số.

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng trang thông tin du lịch Thái Nguyên; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá thông qua các nền tảng số, mạng xã hội, kênh YouTube, TikTok, fanpage chính thức của ngành du lịch và các cơ quan báo chí trung ương, địa phương. Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng các chương trình quảng bá du lịch Thái Nguyên bằng tiếng nước ngoài, từng bước tiếp cận thị trường khách quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của du lịch tỉnh trong giai đoạn 2026–2030.

6. Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

a) Quý I/2026

Đẩy nhanh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư, tạo điều kiện để thực hiện mục tiêu thu hút 03 dự án đầu tư trong nước cấp mới và 03 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn dự kiến 1.460 tỷ đồng; đồng thời thu hút 05 dự án FDI cấp mới và 15 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký dự kiến 0,365 tỷ USD.

Kịp thời phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục, lao động, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện sản xuất, qua đó góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, làm cơ sở để thực hiện kế hoạch doanh thu và giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp ước đạt khoảng 8 tỷ USD trong quý.

Đẩy nhanh việc hoàn thành quy hoạch phân khu xây dựng các khu công nghiệp theo Quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng; đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư khu công nghiệp.

b) Quý II/2026

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, tạo quỹ đất sạch để thu hút nhà đầu tư thứ cấp. Phấn đấu thu hút 02 dự án đầu tư trong nước cấp mới và 02 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn dự kiến 1.440 tỷ đồng; thu hút 05 dự án FDI cấp mới và 15 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký dự kiến 0,365 tỷ USD.

Theo dõi sát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp; phối hợp tháo gỡ các khó khăn về hạ tầng, thủ tục và điều kiện sản xuất, tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao công suất, mở rộng sản xuất, góp phần thực hiện kế hoạch doanh thu ước đạt khoảng 8,84 tỷ USD và giá trị xuất khẩu khoảng 8,04 tỷ USD trong Quý II/2026.

c) Quý III/2026

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, kết nối với các nhà đầu tư tiềm năng khi một số dự án hạ tầng khu công nghiệp đã có quỹ đất đủ điều kiện thu hút đầu tư, phân đấu thực hiện mục tiêu thu hút 03 dự án đầu tư trong nước cấp mới và 03 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn dự kiến 1.460 tỷ đồng; thu hút 05 dự án FDI cấp mới và 15 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký dự kiến 0,365 tỷ USD.

Tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ triển khai các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đôn đốc thực hiện giải ngân vốn đầu tư theo cam kết, tạo điều kiện để các dự án sớm đi vào hoạt động sản xuất, góp phần duy trì doanh thu và giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp ước đạt khoảng 8,84 tỷ USD và 8,04 tỷ USD trong quý.

d) Quý IV/2026

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, nâng cao khả năng tiếp nhận các dự án đầu tư thứ cấp. Phân đấu thu hút 02 dự án đầu tư trong nước cấp mới và 02 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn dự kiến 1.440 tỷ đồng; thu hút 05 dự án FDI cấp mới và 15 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng vốn đăng ký dự kiến 0,365 tỷ USD.

Đồng thời, tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong giai đoạn cao điểm cuối năm; kịp thời tổng hợp, tháo gỡ khó khăn phát sinh, góp phần ổn định sản xuất, kinh doanh và thực hiện kế hoạch doanh thu, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp ước đạt khoảng 8,84 tỷ USD và 8,04 tỷ USD, làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2026 và xây dựng nhiệm vụ năm 2027.

7. Ngành khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

a) Quý I/2026

Trong Quý I/2026, tập trung đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai để phục vụ triển khai xây dựng Trung tâm Dữ liệu tỉnh Thái Nguyên, theo Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa

Sở Khoa học và Công nghệ với Công ty TNHH KCTC Việt Nam và Công ty TNHH ThePRECON (Hàn Quốc).

Song song với đó, theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư và lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, tạo cơ sở pháp lý để triển khai các bước đầu tư tiếp theo.

Tiếp tục triển khai kế hoạch phối hợp giữa UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về thí điểm hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số gắn với khu vực cơ sở, hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ.

Đồng thời, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng 100 trạm BTS 5G, ưu tiên tại các khu công nghiệp, trường học, bệnh viện và khu du lịch.

b) Quý II/2026

Trong Quý II/2026, tiếp tục phối hợp với đối tác Hàn Quốc triển khai các nội dung đầu tư xây dựng Trung tâm Dữ liệu tỉnh Thái Nguyên theo tiến độ đã thống nhất.

Đồng thời, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình theo quy định tại khoản 2, Điều 22, Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và cơ sở pháp lý.

Hoàn thành và tổ chức tổng kết kế hoạch phối hợp giữa UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về triển khai thí điểm hỗ trợ chuyển đổi số đối với cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ; trên cơ sở đó đánh giá kết quả, đề xuất định hướng triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

Tiếp tục phối hợp triển khai xây dựng 100 trạm BTS 5G theo kế hoạch.

c) Quý III/2026

Trong Quý III/2026, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với hoạt động đầu tư xây dựng Trung tâm Dữ liệu tỉnh Thái Nguyên và Dự án Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai, kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc phát sinh để chỉ đạo xử lý.

Đồng thời, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng 100 trạm BTS 5G, bảo đảm tiến độ và chất lượng hạ tầng theo kế hoạch năm.

d) Quý IV/2026

Trong Quý IV/2026, tập trung tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ triển khai đầu tư xây dựng Trung tâm Dữ liệu tỉnh Thái Nguyên và Dự án Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, báo cáo cấp có thẩm quyền làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2026 và xây dựng nhiệm vụ năm 2027.

Tiếp tục phối hợp triển khai xây dựng 100 trạm BTS 5G, hoàn thành kế hoạch xây dựng 400 trạm BTS 5G trong năm 2026 theo mục tiêu đề ra.

8. Ngành xây dựng

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Trong năm 2026, tập trung tham mưu, tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng, nhà ở và quản lý thị trường xây dựng, góp phần tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững của tỉnh.

Trọng tâm là phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông trọng điểm, nhất là các tuyến kết nối liên vùng, kết nối khu công nghiệp, khu kinh tế và các trục động lực của tỉnh như: tuyến đường Hồ Núi Cốc; tuyến liên kết Thái Nguyên – Tuyên Quang (*đoạn từ Km11+500, ĐT.261 đến ranh giới tỉnh Tuyên Quang*); hoàn chỉnh tuyến cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên – Chợ Mới; các tuyến cao tốc Thái Nguyên – Lạng Sơn, Thái Nguyên (*Bắc Kạn*) – Cao Bằng; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 17 và một số tuyến giao thông quan trọng khác. Đồng thời, lồng ghép các giải pháp phát triển giao thông xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn chế tác động của thiên tai đối với hệ thống kết cấu hạ tầng.

Tập trung tham mưu triển khai hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp; cải thiện điều kiện nhà ở khu vực nông thôn theo hướng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; phấn đấu trong năm 2026 hoàn thành khoảng 4.161 căn nhà ở xã hội theo kế hoạch, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thu hút lao động.

Tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch chung các xã, phường; quy hoạch đô thị, khu công nghiệp và các khu chức năng theo Quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp định hướng phát triển dài hạn. Các đồ án quy hoạch được xây dựng theo hướng hiện đại, tích hợp yêu cầu đô thị thông minh; tăng cường ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (*GIS*) và cơ sở dữ liệu số trong quản lý quy hoạch đô thị, nông thôn.

Chủ trì thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định; phối hợp khảo sát, công bố đơn giá nhân công, đơn giá ca máy bảo đảm sát thực tế, phục vụ công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Đồng thời, phối hợp rà soát, điều chỉnh phương án thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng để tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực xây dựng; rà soát, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng; công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, giấy phép và dữ liệu chuyên ngành trên nền tảng số, qua đó nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp.

9. Ngành nội vụ

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Trong năm 2026, tập trung tham mưu phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp trên địa bàn. Ưu tiên xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh theo hướng số hóa, cập nhật thường xuyên tình hình cung – cầu lao động, cơ cấu ngành nghề, trình độ kỹ năng; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương trong tỉnh và kết nối với cơ sở dữ liệu thị trường lao động quốc gia. Từng bước triển khai sản giao dịch việc làm trực tuyến của tỉnh, tăng cường kết nối thông tin tuyển dụng giữa khu công nghiệp, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước; ứng dụng công nghệ số, từng bước khai thác công cụ phân tích, dự báo nhu cầu lao động phục vụ công tác điều hành.

Đẩy mạnh kết nối cung – cầu lao động, góp phần giảm lãng phí nguồn nhân lực. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về hỗ trợ tạo việc làm, trong đó chú trọng nhóm lao động thanh niên, lao động nông thôn, lao động chuyên dịch từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp – dịch vụ. Tăng cường công tác tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm; hỗ trợ kết nối, điều tiết hợp lý dòng dịch chuyển lao động giữa các địa phương, giữa khu vực nông thôn và đô thị, gắn với nhu cầu sử dụng lao động thực tế của doanh nghiệp.

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với yêu cầu chuyển đổi số và cơ cấu lại nền kinh tế. Phối hợp xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, kỹ năng số cho người lao động theo chuẩn kỹ năng nghề, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, linh hoạt về kỹ năng số, kỹ năng công nghệ thông tin cho người lao động đang làm việc và lao động khu vực nông thôn; phối hợp trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản cho học sinh THCS, THPT nhằm tạo nền tảng trước khi tham gia thị trường lao động.

Tăng cường vai trò phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng lao động. Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo theo vị trí việc làm và phản hồi về chất lượng lao động sau đào tạo; qua đó gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn, hạn chế tình trạng mất cân đối cung – cầu lao động cục bộ trên địa bàn tỉnh.

10. Ngành y tế

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế theo đúng quy định pháp luật; khuyến khích phát triển y tế tư nhân chất lượng cao, các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, dịch vụ dược và vật tư y tế. Tăng cường quảng bá, thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhất là các mô hình chăm sóc người cao tuổi, bệnh viện lão khoa, dịch vụ y tế chuyên sâu, qua đó vừa nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, vừa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan để tổ chức triển khai các dự án đầu tư công của ngành y tế năm 2026 đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.

11. Ngành thống kê

Giao Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nguồn số liệu thống kê đầu vào cho Cục Thống kê để tính toán số liệu tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) và cơ cấu kinh tế từng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2026. Bám sát Tổng Cục thống kê trong quá trình thống kê, tính toán, đảm bảo ghi nhận đầy đủ, khách quan kết quả phát triển các ngành, lĩnh vực và triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh; không để xảy ra tình trạng báo cáo thiếu số liệu, nguồn lực, chênh lệch số liệu thống kê kinh tế - xã hội giữa Trung ương và địa phương. Báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu thống kê về các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của UBND tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với các đơn vị sản xuất, kinh doanh lớn (*Tập đoàn Samsung; các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất trong lĩnh vực quốc phòng; các công trình, dự án, nhà máy trên địa bàn tỉnh,...*) đảm bảo cung cấp, báo cáo đúng, đủ, kịp thời các thông tin thống kê, nguồn lực, số liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả, thông suốt của UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền.

Các sở, ban, ngành, địa phương định kỳ hàng quý cung cấp đầy đủ, chính xác, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu thông tin đầu vào phục vụ biên soạn chỉ tiêu GRDP cho Thống kê tỉnh.

12. Hoạt động tín dụng

Ngân hàng Nhà nước Khu vực V, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Trong năm 2026, tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; phát huy tốt vai trò quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và hoạt động ngân hàng, góp phần tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động, đẩy mạnh chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí đầu vào, qua đó phấn đấu tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay đối với hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng dòng vốn tín dụng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng của tỉnh, nhất là nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp – xây dựng, xuất khẩu, thương mại và dịch vụ. Phấn đấu tăng trưởng tín dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên khoảng 15%.

Triển khai thực hiện kế hoạch của ngành Ngân hàng năm 2026 và giai đoạn 2025–2030, bảo đảm bám sát định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh theo các nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025–2030.

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm, bảo đảm hoạt động ngân hàng an toàn, lành mạnh, hiệu quả.

Triển khai hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quan hệ tín dụng; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm an toàn, bảo mật trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ; mở rộng cung ứng dịch vụ thanh toán đối với dịch vụ công, tăng cường kết nối, phát triển hệ sinh thái số.

Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp sớm khôi phục sản xuất kinh doanh. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đẩy nhanh giải ngân các chương trình tín dụng chính sách, thực hiện giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ; thực hiện xử lý nợ rủi ro đối với người nghèo và các đối tượng chính sách bị thiệt hại do thiên tai theo quy định.

Bảo đảm an toàn, thông suốt hoạt động thanh toán; cung ứng đầy đủ nhu cầu tiền mặt trên địa bàn cả về số lượng và cơ cấu mệnh giá; thực hiện nghiêm quy định về phân loại, tuyển chọn tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông. Tăng cường quản lý ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng; theo dõi sát diễn biến thị trường vàng, phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý theo quy định.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng; chủ động nắm bắt tình hình dư luận, kịp thời cung cấp thông tin chính thống, góp phần tạo đồng thuận xã hội và ổn định thị trường tiền tệ, ngân hàng trên địa bàn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch này, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý xây dựng các nhiệm vụ, công việc cụ thể của cơ quan, đơn vị mình trong năm 2026, đề ra các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu kế hoạch và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch đã đề ra; đồng thời chủ động sử dụng các nguồn lực của địa phương để tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định.

2. Giao các đồng chí thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường tham mưu, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch. Định kỳ hàng quý phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật kịch bản phát triển từng ngành, lĩnh vực quản lý, cung cấp đầy đủ, chính xác số liệu gửi Thống kê tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch; đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các công trình, dự án quy mô lớn trong năm 2026. Đồng thời tăng cường giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời kiến nghị, tham gia, góp ý với UBND tỉnh về các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt hiệu quả cao nhất.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận trong nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026.

Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương khẩn trương quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả. Trong quá trình triển khai thực hiện có nội dung phát sinh cần điều chỉnh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên TMTH;
- Lưu: VT, TH.

pth

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Quốc Tuấn